

HIỆN TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM THỜI KÌ CÔNG NGHIỆP HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ

PHẠM XUÂN HẬU*

1. Đặt vấn đề

Trong những năm cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, hệ thống kinh tế – xã hội nước ta đã có những biến đổi sâu sắc, nền kinh tế đã thoát khỏi tình trạng mất ổn định. Cơ cấu nền kinh tế đã có những thay đổi theo hướng tích cực, tỉ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ từng bước tăng lên, tỉ trọng nông nghiệp giảm dần (năm 1991 – 2004 công nghiệp và xây dựng từ 22.7% lên 36.6% ; dịch vụ từ 38.6% lên 39.1% ; nông nghiệp giảm từ 38.7% xuống 24.3% trong tổng GDP cả nước). Cơ chế quản lí chuyển sang hướng cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế quốc doanh vẫn giữ vai trò chủ đạo đối với lãnh vực công nghiệp trong các ngành then chốt. Các hình thức tổ chức công nghiệp đã và đang được hoàn thiện, đưa hiệu quả lên cao. Trong các hình thức tổ chức công nghiệp ở nước ta như điểm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, dải công nghiệp, ... thì hình thức tổ chức khu công nghiệp hiện nay vẫn phổ biến (đến tháng 3/2004 cả nước có 106 khu công nghiệp, trong đó có 5 khu chế xuất, 1 khu kinh tế mở, 2 khu công nghệ cao). Tuy nhiên, hiệu quả của các khu công nghiệp này chưa thoả mãn nhu cầu của quá trình công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước. Chúng ta cần phải có những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp này.

2. Nhìn từ kinh nghiệm của một số nước châu Á

Phần lớn các nước châu Á đã đi trước chúng ta trên con đường công nghiệp hoá, trong khi ở các nước này cũng có một số nét tương đồng với chúng ta vì vậy chúng ta phải nghiên cứu những kinh nghiệm của họ từ tổ chức, quản lí hoạt động của các khu công nghiệp.

* PGS.TS, Viện Nghiên cứu Giáo dục, Trường ĐHSP Tp.HCM

2.1. Phát triển khu công nghiệp ở Đài Loan

Chỉ sau 30 năm thực hiện công nghiệp hoá, Đài Loan đã trở thành “*Con rồng*” ở Châu Á (hoặc Đông Á), kể từ 1996 kế hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất được triển khai đến nay Đài Loan có khoảng 100 khu đi vào hoạt động với những kinh nghiệm đáng chú ý.

Đã phối hợp có hiệu quả giữa tổ chức các khu công nghiệp trọng điểm quốc gia với khu công nghiệp địa phương. Bên cạnh những khu công nghiệp trọng điểm của nhà nước quản lí là hệ thống các khu công nghiệp do địa phương quản lí.

Tập trung phát triển các ngành kĩ thuật cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới. Mặt khác, phát triển ổn định các ngành công nghiệp chế biến ở các địa phương để đưa nhanh tốc độ công nghiệp hoá ở nông thôn.

Đặc biệt chú ý đến xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc) đầy đủ, chất lượng và ổn định.

Chính sách giảm thuế một số năm, cho vay vốn với lãi suất ưu đãi.

2.2. Phát triển các khu công nghiệp ở Thái Lan

Bắt đầu từ 1972 đến nay, Thái Lan đã có khoảng 64 khu công nghiệp trong vòng 30 năm Thái Lan cũng trở thành nước “*Con rồng*” thứ 2 Đông Nam Á (sau Singapore).

Chính phủ Thái Lan có chủ trương phát triển cân đối lãnh thổ bằng cách thực hiện chính sách ưu đãi đặc biệt khác nhau giữa các khu vực (thuế nhập khẩu thiết bị máy móc có nơi được miễn 50%, có nơi được miễn hoàn toàn).

Từ cực phát triển (Băng Cốc) thiết lập các khu công nghiệp với 3 vành đai bao quanh cực với những lợi thế khác nhau, mức độ ảnh hưởng của cực khác nhau.

Quản lí thống nhất theo cơ chế thị trường một cửa nên giải quyết các thủ tục nhanh chóng.

Chú ý quản lí môi trường hết sức chặt chẽ, bằng pháp luật với bằng kinh tế. Doanh nghiệp phải chi trả chi phí cho quá trình xử lí chất thải.

2.3. Ở Malaysia

Malaysia bắt đầu xây dựng các khu công nghiệp từ năm 1970 đến năm 1997 đã có 166 khu công nghiệp hoạt động. Nét riêng của Malaysia là :

- Phát triển rộng mạng lưới các khu thương mại Tự do, có chính sách ưu đãi đặc biệt với đầu tư nước ngoài (thời gian thuê đất có thể từ 50 năm đến 100 năm, cho tự do chuyển tiền lợi nhuận ra nước ngoài ...)
- Phát triển nhiều doanh nghiệp chế xuất nằm ngoài khu chế xuất để tăng nguồn hàng nhập khẩu, tận dụng hết tiềm năng.
- Nhà nước hỗ trợ vốn lớn cho các khu công nghiệp.
- Xây dựng các khu công nghiệp được xác định ở những nơi có vị trí thuận lợi, mặt bằng rộng, giá đất không cao, giao thông thuận lợi (nằm ở ngoại vi thành phố, gần cảng, đầu mối giao thông, ...).
- Chú ý thích đáng đến vấn đề nhà ở, trường học, khu thương nghiệp, khu vui chơi giải trí cho gia đình, cá nhân người làm trong khu công nghiệp.

2.4. Ở Hàn Quốc

Hàn Quốc chọn con đường phát triển khu chế xuất để tạo khâu đột phá và nét nổi bật nhất của khu chế xuất Hàn Quốc là làm cầu nối giữa kinh tế trong và ngoài nước.

Xác lập mối liên hệ chặt chẽ giữa khu chế xuất với bộ phận kinh tế trong nước qua hai khâu : cung cấp nguyên liệu cho khu chế xuất và tổ chức hợp đồng gia công giữa khu chế xuất và các xí nghiệp khác ở trong nước tạo ra cái gọi là “*Chế xuất ngoài khu chế xuất*”.

Chính phủ đưa ra luật, chính sách khuyến khích phối hợp sử dụng hàng trong nước. Các xí nghiệp ở ngoài khu chế xuất “*được ủy thác*” có thể hoạt động hết công sức để đáp ứng yêu cầu của các xí nghiệp trong khu chế xuất.

3. Quá trình hoạt động và kết quả đạt được qua việc xây dựng khu công nghiệp Việt Nam

3.1. Sự phát triển các khu công nghiệp theo các vùng và địa phương

Thực hiện đường lối công nghiệp hoá – hiện đại hoá, nước ta đã thực hiện qui hoạch phát triển các khu công nghiệp. Quyết định 519/TTg ngày 6/8/1995 của Chính phủ phê duyệt phương án qui hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và kết cấu hạ tầng thời kì 1996 – 2001, trong đó đề xuất thành lập 33 khu công nghiệp. Trong thực tế tốc độ gia tăng các khu công nghiệp đã nhanh hơn dự đoán, dẫn đến việc phải duyệt kế hoạch bổ sung nâng tổng số khu công nghiệp tăng đến 149 vào năm 2010.

Đến năm 2004, trên toàn quốc đã xây dựng 106 khu công nghiệp, trong đó có 5 khu chế xuất, 2 khu công nghệ cao, 1 khu kinh tế mở với tổng diện tích 35.081ha trong tổng số 46.961ha diện tích qui hoạch (kể cả khu công nghiệp Dung Quất và 2 khu công nghệ cao và khu kinh tế mở Chu Lai).

Thời kì đầu, tốc độ hình thành các khu công nghiệp tăng nhanh, trung bình hơn 20%/năm. Các khu công nghiệp được xây dựng nhiều nhất vào những năm 1996 – 1998, đây là giai đoạn nền kinh tế Việt Nam có mức tăng trưởng cao (tăng trung bình GDP hàng năm là 7.4% – năm 2004 là 7.7%), giá trị sản phẩm công nghiệp chiếm tỉ trọng lớn, mức đầu tư nước ngoài tăng nhanh. Tuy nhiên, năm 1997 cuộc khủng hoảng tài chính khu vực đã làm giảm nhanh mức độ đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, tăng trưởng kinh tế bị ảnh hưởng chậm lại, các khu công nghiệp cũng không tăng được bao nhiêu. Đến năm 2002 – 2003, tốc độ xây dựng các khu công nghiệp đã được hồi phục, vốn đầu tư trong nước và nước ngoài có chiều hướng tăng sau khủng hoảng.

Bảng 1: Tốc độ hình thành, phát triển các khu công nghiệp ở các vùng kinh tế một số năm (đơn vị: khu công nghiệp)

Năm	Cả nước	Đông Bắc	Tây Bắc	ĐB Sông Hồng	Bắc Trung Bộ	D.Hải Nam Trung	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	ĐB SCL
1991	1	0	0	0	0	0	0	1	0
1997	22	2	0	3	0	3	0	11	3
2000	1	0	0	0	0	0	0	1	0
2003	14	2	0	7	1	3	0	10	2
2004	1	0	0	1					

(Nguồn : Tổng kết hình thành hoạt động các khu công nghiệp, khu chế xuất năm 2003 – Bộ Kế hoạch đầu tư 10/2003 – 3/2004 – Niên giám thống kê 2003 – NXB. Thống kê, 2004)

Vùng Đông Nam Bộ phát triển các khu công nghiệp với số lượng lớn nhất với tổng số 50 khu, (chiếm 47.61% cả nước), đặc biệt thời kì khủng hoảng tài chính diễn ra các vùng không phát triển được nhưng Đông Nam Bộ vẫn xây dựng được vài khu.

Vùng Đồng bằng sông Hồng có số lượng thứ 2 (20 khu), duyên hải Nam Trung Bộ diễn biến không ổn định, hiện có 14 khu công nghiệp, nổi lên là các khu công nghiệp này đa dạng, qui mô rộng (Dung Quất, Chu Lai, ...). Ở đây, Chu Lai là hình thức đầu tiên vừa có khu công nghiệp xuất khẩu vừa có những dịch vụ cảng và cảng thương mại tự do, hưởng nhiều chế độ đặc biệt.

Tổng hợp các khu công nghiệp theo các vùng kinh tế trọng điểm ta thấy sự tập trung khá cao :

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chiếm 43.8% số lượng và 64.23% diện tích.
- Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc chiếm 12.3% số lượng, 7.68% diện tích.
- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chiếm 9.52% số lượng, 7.18% diện tích.
- Mức độ phân bố theo các địa phương tăng tập trung vào một số tỉnh hội tụ được các điều kiện thuận lợi. Hiện tại có 38/64 tỉnh xây dựng các khu công

nghiệp, có 5 tỉnh có số lượng lớn là Tp.HCM : 15 khu, Đồng Nai : 15, Bình Dương : 9, Bà Rịa – Vũng Tàu : 7, Hà Nội : 6. Ngoài ra, 14 tỉnh có từ 2 – 4 khu như Long An : 4, Tp.Đà Nẵng : 4, Tp.Hải Phòng : 3, Hải Dương : 3, Quảng Ngãi : 3, Tây Ninh : 2, Bắc Ninh : 2, Quảng Nam, Hà Tây : 2, Cần Thơ : 2, Bình Định : 2, Nghệ An : 2, Hưng Yên : 2, Phú Thọ : 2. Có 19 tỉnh mới thành lập một số khu công nghiệp: Nam Định, Nam Hà, Ninh Bình, Thái Bình, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Khánh Hoà, Đắk Lắk, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Tháp, Tiền Giang, Lâm Đồng, Bắc Giang ...

3.2. Đánh giá chung

a. Kết quả đạt được

- Nhìn chung, tốc độ hình thành các khu công nghiệp tương đối cao vượt quá dự báo của qui hoạch ban đầu. Lợi thế so sánh của mỗi vùng trong nước và của cả nước với các nước trong khu vực và thế giới thể hiện khá rõ nét.
- Sự phân bố không gian các khu công nghiệp ngày càng thể hiện rõ tính phù hợp cao của nó với điều kiện tập trung và đi đôi với phát triển công nghiệp. Các khu công nghiệp thường tập trung vào các thành phố, thị xã có lợi thế về vị trí, tài nguyên, địa lí, nhân lực, ... (Từ hạt nhân trọng điểm mở rộng ra thành vệ tinh hình thành những vành đai).
- Theo qui chế hoạt động của các khu công nghiệp việc phân cấp quản lí có Ban quản lí phát triển khu công nghiệp của Trung ương và các địa phương (cấp tỉnh) với chức năng tư vấn cho Chính phủ, gần đây Chính phủ đã giao ban quản lí các địa phương cho các tỉnh quản lí.
- Có chính sách ưu đãi về vốn, lao động và cơ chế miễn giảm thuế thích đáng cho các khu công nghiệp mới xây dựng.
- Hiện nay, có khoảng 37 khu công nghiệp (35%) hoạt động có hiệu quả, trong đó khoảng 16 – 17 khu có khả năng thu hút vốn đầu tư lớn và tạo việc làm ổn định cho người lao động. Những khu công nghiệp có mức độ tập trung cao và trung bình 52 khu (50%) thực sự đang có sức thu hút mạnh mẽ ngoại lực với những công nghệ mới. Điển hình là những nước đầu tư lớn như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Singapore, Hồng Kông, Đài Loan, ...
- Thực hiện tốt việc di dời các khu công nghiệp phân tán ở các khu dân cư đảm bảo được môi trường đô thị.

- Các khu công nghiệp thực sự là nơi thu hút sức cung cấp kỹ thuật trang thiết bị, hạ tầng cơ sở phù hợp với trình độ sản xuất hiện nay, đẩy nhanh mức độ chuyên môn hoá tạo ra sản phẩm cạnh tranh, tạo được sức phát huy đặc thù của từng địa phương, giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động.

b. Những hạn chế

- Quy chế hoạt động của các khu công nghiệp còn nhiều bất cập :
 - + Các thủ tục hành chính rườm rà ;
 - + Còn có những mâu thuẫn về quản lý giữa các cấp (Trung ương, địa phương, khu công nghiệp) ;
 - + Các hoạt động xúc tiến đầu tư còn đơn điệu, nghèo nàn, kém linh hoạt dẫn đến hiệu quả đầu tư và sử dụng vốn đầu tư không hiệu quả, ít vì lợi ích chung (các khu liên doanh).
- Nhiều khu công nghiệp hoạt động hiệu quả thấp mặc dù có cơ sở hạ tầng kỹ thuật khá hoàn chỉnh, vị trí thuận lợi (Nội Bài, Đình Vũ ...) vì các khu công nghiệp này ít chú ý đầu tư trong nước mà chỉ hướng đầu tư nước ngoài.
- Mức độ lấp đầy các khu công nghiệp chậm, hiện có khoảng 18 khu công nghiệp hoạt động kém, thậm chí chưa hoạt động (khu Đức Hòa, Tân Thới Hiệp, ...).
- Thực hiện qui hoạch phát triển các khu công nghiệp không có dự báo sát thực tế, chưa có chiến lược dài hạn mà thường chạy theo thực tế, giải quyết tình thế nên đã có tình trạng nhiều khu công nghiệp đã đi vào hoạt động nhưng không đảm bảo được nhà ở và các phương tiện, cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi dẫn đến hiệu quả sử dụng lao động, năng suất lao động thấp.
- Sản xuất chưa nhằm đúng mục đích tạo sản phẩm chất lượng cao phục vụ thị trường trong nước và quốc tế mà mới nhằm vào việc sử dụng lao động rẻ tiền nên hiệu quả sản xuất thấp (tuyển dụng lao động trình độ cao).

- Các xí nghiệp trong khu công nghiệp và các khu công nghiệp còn thiếu tính kết hợp chặt chẽ trong sử dụng cơ sở hạ tầng, chưa hợp tác qui trình công nghệ với nhau để giảm bớt những chi phí không cần thiết.
- Công tác bảo vệ và xử lí môi trường chưa triệt để đôi khi còn gây ảnh hưởng xấu lẫn nhau.

4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả các khu công nghiệp

4.1. Tập trung đẩy nhanh tiến độ lấp đầy diện tích các khu công nghiệp

Muốn đẩy nhanh tốc độ lấp đầy các khu công nghiệp, cần chọn những yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất, mạnh mẽ nhất đến việc lựa chọn của các nhà đầu tư nước ngoài.

- Về cơ chế và chính sách cần thực hiện cơ chế “*một cửa*”, trên cơ sở kiện toàn bộ máy quản lí KCN từ Trung ương đến địa phương. Nếu theo cơ chế hiện nay, ban quản lí KCN tỉnh phụ thuộc Vụ Quản lí khu Công nghiệp Việt Nam trực thuộc Bộ Kế hoạch đầu tư, Vụ này chỉ là cơ quan tham mưu cho chính phủ mà không có quyền hạn cụ thể, tiếng nói không có vai trò quyết định vì bị phụ thuộc. Chúng ta cần mạnh dạn hơn trong phân cấp quản lí, tăng cường quyền hạn cho Ban quản lí Khu công nghiệp cấp tỉnh để có thể đơn giản hoá thủ tục hành chính nâng cao hiệu quả hoạt động của khu.
- Cần có chính sách hỗ trợ vốn vay với nhiều hình thức linh hoạt. Ưu đãi lãi suất thấp hoặc kéo dài thời gian vay, ưu đãi thuế đất giá rẻ, có chính sách hỗ trợ thuế qua việc miễn giảm thuế và công bằng trong chính sách thuế giữa các thành phần, nhà nước, liên doanh và tư nhân. Thực hiện chính sách kêu gọi đầu tư hợp lí cả ở khu vực trong nước và ngoài nước.

4.2. Hoàn thiện hiện đại hoá các khu công nghiệp đã và đang thực hiện thành công làm nền tảng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng liên kết kinh tế trong và ngoài nước

Chúng ta có thể tạo ra sức cạnh tranh mạnh mẽ khi những cam kết AFTA được thực hiện và chấp thuận cho Việt Nam gia nhập WTO. Lúc này không còn con đường nào khác là phải đẩy sản xuất ở các KCN đạt đến công nghệ tiên tiến, trang thiết bị hiện đại nâng cao chất lượng sản phẩm. Các khu công nghiệp sẽ là

công cụ chính để công nghiệp hoá, hiện đại hoá kinh tế đất nước đồng thời là địa chỉ chủ yếu để thực hiện các liên kết kinh tế, là chìa khoá mở ra nhiều cánh cửa với thế giới.

4.3. Tổ chức không gian kinh tế các khu công nghiệp hợp lí

- Thực hiện quy hoạch các KCN trên cơ sở các phương án phân vùng kinh tế tổng hợp, các ngành cần chú ý đến không gian đô thị, cơ sở hạ tầng trong và ngoài KCN và những tác động về môi trường.
- Tập trung nghiên cứu, xác định cho được các vùng chuyên môn hoá và hệ thống các ngành bổ trợ để sử dụng tối đa tiềm năng, tạo nguồn sản phẩm tổng hợp đa dạng.

5. Phát triển các khu công nghiệp cần đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường

- Tập trung các KCN với một mục đích lớn là tạo điều kiện thuận lợi để quản lí tốt môi trường, xử lí những tác động của môi trường thuận lợi. Điều này đòi hỏi khi lập kế hoạch thiết lập các khu công nghiệp nhất thiết phải có phương án bảo vệ và xử lí môi trường (kể cả môi trường làm việc, sinh hoạt của người lao động ở khu công nghiệp).
- Cần xây dựng mạng lưới cán bộ chuyên trách quản lí môi trường, những người này sẽ đảm bảo kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất khi có sự cố, đưa ra biện pháp khắc phục thích hợp kịp thời.
- Công khai thường xuyên những thông tin về mức độ ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp trong KCN. Làm tốt việc này sẽ kích thích các xí nghiệp phải thực hiện kế hoạch bảo vệ, xử lí môi trường không làm ảnh hưởng đến địa bàn tiêu thụ sản phẩm (đặc biệt với những xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu là chính).

Kết luận

Việc phát triển các KCN, các dải công nghiệp là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển công nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Thế giới và khu vực hiện đang mở ra cho nước ta có thể tiếp thu học tập kinh nghiệm quý báu trong việc tổ chức, quản lí phát triển các loại hình này. Vấn đề đặt ra là chúng ta có nhận thức và vận dụng hợp lí với điều kiện nay của đất nước hay không.

Trong mấy chục năm qua, tổ chức phát triển công nghiệp nước ta đã có những bước tiến đáng kể. Đặc biệt trong khoảng 10 năm trở lại đây việc phát triển các khu chế xuất, khu công nghiệp, dải công nghiệp đã có bước đi khá nhanh đáng ghi nhận. Nhưng thực tế vẫn còn bộc lộ những yếu kém, bất cập về tổ chức quản lí, về quy trình công nghệ, chiến lược sản phẩm, ... Trong phần trình bày này, tác giả chỉ nêu ra một giải pháp có tính đột phá nhằm nâng cao hiệu quả các khu công nghiệp của nước ta trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Mạnh Hùng (2004), *Quy hoạch chiến lược phát triển ngành*, Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội.
- [2]. Lê Thông (chủ biên, 2002), *Địa lí Kinh tế Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục.
- [3]. Tổng cục Thống kê (2004), *Niên giám Thống kê*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- [4]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2004), *Tổng kết tình hình hoạt động các Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất năm 2003*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- [5]. Hội nghị tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam (2004), *Báo cáo phát triển Việt Nam 2004*, Hà Nội.
- [6]. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (2001), *Báo cáo phát triển con người Việt Nam*, Tổng kết dự án, Hà Nội.

Tóm tắt

Hiện trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả các khu công nghiệp Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá

Phát triển các khu công nghiệp (KCN) là xu thế tất yếu của các nước phát triển và đang phát triển. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia mà điển hình là các nước đang phát triển ở khu vực Đông Nam Á và Đông Á có điều kiện tương tự nước ta như : Thái Lan, Singapore, Malaysia, Đài Loan, ... trong lĩnh vực này là bài học kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam trên đường công

ng nghiệp hoá và hiện đại hoá. Trong vài thập niên qua, công nghiệp Việt Nam nói chung và các khu công nghiệp nói riêng đã có những bước phát triển nhanh, thực sự đột phá ở một số mặt như : cơ chế quản lí, chiến lược đầu tư, tạo thế cạnh tranh, ... Nhưng hiệu quả hoạt động các khu công nghiệp chưa đáp ứng, chưa ngang tầm với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Vì vậy, cần phải có những giải pháp đột phá trong một số khâu để đẩy nhanh tốc độ phát triển các khu công nghiệp, tạo thế cạnh tranh mạnh mẽ với khu vực và thế giới.

Abstract

Status and solutions to improve effectiveness in the Vietnam industrial zones in the time of industrialization and modernization

Developing industrial zones is a necessity for both developed and developing countries. The experiences of many countries in the area such as Thailand, Singapore, Malaysia, and Taiwan, etc. can be a valuable lesson for Viet Nam in its progress towards industrialization and modernization. In the last decades, Vietnam industry; especially, industrial zones have grown quickly in the fields of management structures, investment strategies, and competitive environments, etc ... However, the effectiveness of these industrial zones has not met requirements of Viet Nam's industrialization and modernization. Therefore, we need to find appropriate solutions to break through the situation and speed up the development of the industrial zones so that we can improve our competitiveness with the countries in the region and the ones in the world.